

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09/9/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Kế hoạch 05 năm 2026-2030	Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
A	ĐIỀU CHỈNH				
I	VỀ KINH TẾ				
1	Tăng trưởng				
1	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	125	85	
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI				
2	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	>35		Mục tiêu năm 2026 đã đảm bảo theo NQ chính phủ giao
3	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%		100	Mục tiêu đến năm 2030 đã đảm bảo theo NQ chính phủ giao
III	MÔI TRƯỜNG				
4	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối)	%		39,5	Mục tiêu đến năm 2030 đã đảm bảo theo NQ chính phủ giao
B	BỔ SUNG				
I	VỀ KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	24,07	25	
2	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	5,2	4,5	
3	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	47	33,2	
4	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	13,5	11,69	
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%	10,97	10,04	
6	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	10	10	
7	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	7	3	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Kế hoạch 05 năm 2026-2030	Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
8	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Nghìn lượt	230	40	
9	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	%	≥ 40	≥ 2	
10	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	5,37	5,17	
11	Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn	Doanh nghiệp	2.220	1.700	
12	Tỉ lệ đô thị hoá	%	20	17,7	
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI				
13	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	70,5	64	
14	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	32	28	
15	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	41,7	40,5	
16	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	100	100	
17	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,626	0,623	
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				
18	Tỉ lệ KCN, KCX đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100		
19	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	70	30	